

Bản án số: 158/2019/HS-ST

Ngày: 12-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Xuân Đỉnh

Bà Nguyễn Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI VĂN L**, sinh năm 197x; Nơi cư trú: Thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Xuân Th (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; Có vợ: Tạ Thị H; Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Ngày 29/10/2013, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/7/2015, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2019 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Công ty TNHH xuất nhập khẩu D; Địa chỉ: Số 10, ngõ 448/5 đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn Đ - Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 197; Trú tại Số 329 đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố H- Vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm

1970; Trú tại Số 329 đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 11/8/2019, Bùi Văn L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, gắn biển kiểm soát 29U2-3761 đi qua bãi để thiết bị của Công ty TNHH xuất nhập khẩu D phát hiện có nhiều cục kim loại nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu. L dựng xe trên đường Quốc lộ 3, đi bộ vào trong bãi và quan sát không thấy người trông coi tài sản, tiến đến ôm 01 củ quay toa của xe cần cầu. L đi được khoảng 02 mét thì bị anh Trần Văn Q, sinh năm 198x; (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn D, xã A, huyện B, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H), anh Trần Văn C, sinh năm 198x; (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H) và anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 198x; (Trú tại: Tổ 15, phường T, quận L, thành phố H) đều là nhân viên Công ty D phát hiện, bắt quả tang và trình báo cơ quan công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 401/HĐĐGTS ngày 15/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: 01 chiếc củ quay toa cần cầu hình tròn, bằng kim loại, nặng 48kg, lắp cho loại cầu 7 tấn, nhãn hiệu Kanglim, xuất xứ Hàn Quốc có trị giá là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, khai thác mở rộng vụ án xác định Bùi Văn L còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của Công ty D, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 09/8/2019, L một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, gắn biển kiểm soát 29U2-3761 đến bãi xe của Công ty D. L dựng xe trên đường Quốc lộ 3 rồi đi bộ vào trong bãi, quan sát không có người trông coi tài sản, phát hiện 03 chốt kim loại (là ắc cần cầu) để dưới gầm cần cầu, cạnh lán để xe. L trộm 03 chốt kim loại, ôm trước bụng mang đặt lên giá để hàng giữa xe máy rồi mang đi tiêu thụ. Khi đi được khoảng 500 mét, L gặp ông Hoàng Hữu Q, sinh năm 197x; (Trú tại: thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H) là người lắp ráp cần cầu cho Công ty D đang đi bộ. Ông Q nghi ngờ L trộm cắp từ bãi cần cầu nên gọi lại, hỏi mua 03 chốt kim loại với giá 500.000 đồng, L đồng ý. Chiều cùng ngày, ông Q mang 03 chốt kim loại mua của L đến bãi của Công ty D gặp ông Nguyễn Văn H, ông Q nói “em vừa bắt gặp một nam thanh niên chở ba cái ắc cần cầu trông giống của anh”. Ông H nhận ra là tài sản của công ty nên nhận lại tài sản và trả cho ông Q 500.000 đồng.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng của anh Nguyễn Văn H gồm: 01 chốt kim loại, hình trụ tròn (ắc cần cầu) dài 47,5cm, đường kính 7 cm, nặng 8kg, đã qua sử dụng; 02 chốt kim loại hình trụ tròn (ắc cần cầu) mỗi chốt dài 16,7cm đường kính 6cm, đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 444/HĐĐGTS ngày 12/9/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: 01 chốt kim loại hình trụ tròn, nặng 08kg, đã qua sử dụng (lắp cho loại cầu 15 tấn, nhãn hiệu Dongyang, xuất xứ Hàn Quốc) trị giá 3.000.000 đồng; 02 chốt kim loại hình trụ tròn, mỗi chốt nặng 03kg, đã qua sử dụng (lắp cho loại cầu 15 tấn, nhãn hiệu Dongyang, xuất xứ Hàn Quốc) có trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10/8/2019, Bùi Văn L một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave sơn màu trắng, gắn biển kiểm soát 29U2-3761 đến bãi của Công ty D tiếp tục trộm cắp tài sản. L điều khiển xe máy vào trong bãi xe, quan sát không có người trông coi tài sản, phát hiện 01 bầu của móc cầu để cạnh đường bê tông của bãi nên dựng xe, xuống trộm bầu móc cần cầu lên giá để hàng giữa xe máy rồi điều khiển xe máy đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Đào Thị Bích Ph, sinh năm 1975; (Trú tại: thôn M, xã C, huyện Đ, thành phố H) tại thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H bán. L nói nguồn gốc tài sản là của L không dùng nên đem bán, bà Phương đồng ý mua với giá 130.000 đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng) rồi đưa tiền cho L, L cầm tiền ra về.

Đến 11 giờ 00 phút ngày 11/8/2019, anh Trần Văn Q sau khi phát hiện công ty bị mất trộm 01 bầu của móc cầu nên đi tìm tài sản ở các cửa hàng sắt vụn. Khi đến cửa hàng sắt vụn của bà Phương, anh Q tìm thấy và chuộc lại bầu của móc cầu với số tiền 130.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 445/HĐĐGTS ngày 12/9/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: 01 bầu của móc cần cầu, bằng kim loại, hình trụ tròn, nặng 27kg, đã qua sử dụng (lắp cho loại cầu 15 tấn, nhãn hiệu Dongyang, xuất xứ Hàn Quốc) có trị giá 3.000.000 đồng.

Đối với ông Hoàng Hữu Q do nghi ngờ L trộm cắp tài sản của Công ty D nên thu mua tài sản, mục đích là để trả lại cho Công ty D; bà Đào Thị Bích Ph khi thu mua tài sản của L không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng của anh Trần Văn Q: 01 bầu của móc cầu, bằng kim loại, hình trụ tròn, một đầu có đường kính 12 cm, đầu còn lại có đường kính 17 cm, dài 37 cm, nặng 27kg đã qua sử dụng (cục mỏ phụ).

Đối với 01 củ quay toa của cần cầu, bằng kim loại, nặng 48kg, đã qua sử dụng; 01 bầu của móc cầu, bằng kim loại, hình trụ tròn, một đầu có đường kính 12 cm, đầu còn lại có đường kính 17 cm, dài 37 cm, nặng 27kg đã qua sử dụng (cục mỏ phụ); 01 chốt kim loại, hình trụ tròn (ắc cần cầu) dài 47,5cm, đường kính 7 cm, nặng 8kg, đã qua sử dụng; 02 chốt kim loại hình trụ tròn (ắc cần cầu) mỗi chốt dài 16,7cm đường kính 6cm, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của Công ty D. Ngày 18/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của Công ty D. Sau khi

nhận lại tài sản, ông H không đề nghị bồi thường dân sự, đề nghị xử lý nghiêm Bùi Văn L theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Bùi Văn L khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với 01 chiếc USB màu xanh, lưu trữ các đoạn video trích xuất từ camera lắp đặt tại bãi xe của Công ty D ghi nhận hình ảnh L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, có giá trị chứng minh tội phạm do ông Nguyễn Văn H nộp và đề nghị không nhận lại. Chuyển theo hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, số máy: HC12E-7177772, số khung: RLHHC1254FY177735, gắn biển kiểm soát 29U2-3761: Kết quả tra cứu xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, số máy: HC12E-7177772, số khung: RLHHC1254FY177735 có biển kiểm soát 99C1-267.01, đăng ký mang tên: Nguyễn Thị D, sinh năm 199x; trú tại: thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Chị D và bà Nguyễn Thị H (mẹ chị D) trình bày: khoảng tháng 12/2017, chiếc xe trên bị trộm cắp, cùng ngày, Bà H đã trình báo sự việc tại Công an xã Đ. Kết quả tra cứu chủ sở hữu chiếc biển kiểm soát: 29U2-3761 tại Đội Cảnh sát giao thông, Công an huyện Đông Anh xác định: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm: 197x; trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố H) đứng tên đăng ký chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu đỏ, số máy: 0564135, số khung: 564143, biển kiểm soát 29U2-3761. Tại Cơ quan điều tra, ông L trình bày: khoảng tháng 10/2012, ông Lợi bị trộm cắp chiếc xe trên và đã trình báo Đồn Công an Nam Đông Anh. Tại cơ quan điều tra, L khai mua của một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) vào khoảng tháng 6/2018 với giá 4.500.000 đồng tại đường vành đai khu công nghiệp Thăng L thuộc xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, không viết giấy tờ mua bán, không có giấy tờ xe. L không biết chiếc xe máy trên là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, số máy HC12E-7177772, số khung: RLHHC1254FY177735, là vật chứng của vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 26/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Tiên Du đề nghị tiếp nhận vật chứng và tài liệu để xác minh theo thẩm quyền. Đối với chiếc biển kiểm soát 29U2-3761, Cơ quan điều tra tách rút cùng tài liệu để tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 163/CT-VKSĐA ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Tại cơ quan điều tra ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về dân sự và đề nghị Tòa án xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn L mức án từ 18 đến 22 tháng tù; hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo; truy thu số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính là 630.000 đồng. Về dân sự: người bị hại không có yêu cầu nên không giải quyết.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu trích xuất camera, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cùng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, các Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu Duy Đức thuộc thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H, cụ thể:

Khoảng 13 giờ ngày 11/8/2019, tại khu vực sân bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D thuộc thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố H, bị cáo Bùi Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 củ quay toa của xe cần cẩu, trị giá 12.000.000 đồng và bị bắt quả tang.

Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 09/8/2019, cũng tại khu vực sân bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Duy Đức, bị cáo Bùi Văn L đã có hành vi trộm cắp 03 chốt kim loại (loại lắp cho loại cầu 15 tấn, nhãn hiệu Hàn Quốc), trong đó: 01 chốt

kim loại trị giá 3.000.000 đồng; 02 chốt kim loại trị giá 2.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 5.000.000 đồng.

Khoảng 13 giờ ngày 10/8/2019, cũng tại khu vực sân bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Duy Đức, bị cáo Bùi Văn L đã có hành vi trộm cắp L trộm cắp 01 bầu móc cần cầu bằng kim loại (loại lắp cho loại cầu 15 tấn, nhãn hiệu Hàn Quốc) có trị giá 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản Bùi Văn L trộm cắp là 20.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

Nội dung điều luật quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; Bị cáo đã có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tuy đã được xóa án tích nhưng được xác định là bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Trong một thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo đã có tiền án, sau khi ra tù không chịu tu dưỡng lại tiếp tục có hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo, do vậy, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản nói riêng và các tội phạm khác nói chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với ông Hoàng Hữu Q do nghi ngờ L trộm cắp tài sản của Công ty D nên đã thu mua tài sản, mục đích là để trả lại cho Công ty D; bà Đào Thị Bích Ph khi thu mua tài sản của L không biết là tài sản do L phạm tội mà có nên Cơ quan

điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, số máy: HC12E-7177772, số khung: RLHHC1254FY177735, gắn biển kiểm soát số 29U2-3761, bị cáo khai mua của một nam thanh niên không rõ nhân thân lai lịch, không viết giấy tờ mua bán, không có giấy tờ xe, không biết chiếc xe máy trên là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[7] Về phần dân sự: Bị hại là Công ty TNHH xuất nhập khẩu D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và người đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Các tài sản bị trộm cắp gồm 01 bầu của móc cầu nặng 27kg, 01 củ quay toa của cần cầu nặng 48kg, 01bầu của móc cầu nặng 27kg, 01 chốt kim loại, nặng 8kg, 02 chốt kim loại hình trụ tròn đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của Công ty D. Ngày 18/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của Công ty D là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, số máy HC12E-7177772, số khung: RLHHC1254FY177735, là vật chứng của vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 26/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Tiên Du đề nghị tiếp nhận vật chứng và tài liệu để xác minh theo thẩm quyền và chiếc biển kiểm soát 29U2-3761, Cơ quan điều tra tách rút cùng tài liệu để tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

Đối với 01 chiếc USB màu xanh do ông Nguyễn Văn H nộp có lưu trữ các đoạn video ghi nhận hình ảnh L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã được trích xuất hình ảnh, ông H không đề nghị nhận lại được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ vào: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn L 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2019.

Buộc bị cáo Bùi Văn L nộp lại số tiền 630.000 đồng (sáu trăm ba mươi nghìn đồng) được hưởng lợi do hành vi phạm tội mà có nộp vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Thi hành án hình sự;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)**